

Số: 184/2020/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 08 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 255/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã H, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 30/11/2020 bà Lê Thị T còn nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 24.050.000đồng. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn H 24.050.000đ (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 601.250đ (sáu trăm lẻ một ngàn hai trăm năm mươi đồng), nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Lê Thị T mỗi bên nộp $\frac{1}{2}$ án phí, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn H nộp 300.625đ (ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 601.000đ (sáu trăm lẻ một ngàn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0016442 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 300.375đ (ba trăm ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) hoàn trả ông H.

Bà Lê Thị T nộp 300.625đ (ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng), nhưng bà T là thân nhân của liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc